

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1923/QĐ-DHSPHN2 ngày 28/07/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

Tiếng Việt: Giáo dục thể chất

Tiếng Anh: Physical Education

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất; Mã số: 7140206

Tên gọi vắn bẳng: Cử nhân ngành Giáo dục thể chất

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Vị trí việc làm: Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất tại các trường phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng hoặc các cơ sở đào tạo khác; Chuyên viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu giáo dục, giáo dục chuyên nghiệp; cán bộ chuyên trách ở các cơ quan, đơn vị.

Kỹ năng học tập nâng cao trình độ: Có kỹ năng tự học, bồi dưỡng và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn; có thể học thêm các chuyên ngành gần, các chứng chỉ nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực, mở rộng cơ hội việc làm; có thể tiếp tục học sau đại học các chuyên ngành giáo dục thể chất, huấn luyện thể thao, quản lý giáo dục, y học thể dục thể thao.

Thời điểm điều chỉnh CTDT: Năm 2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất có phẩm chất tốt, năng lực nghề nghiệp vững vàng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ Giáo dục thể chất và các nhiệm vụ khác của người giáo viên phổ thông, tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục - đào tạo hoặc các cơ quan quản lý giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục thể chất có:

Mã mục tiêu	Mô tả
M1	Có phẩm chất chính trị, ý thức công dân và ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức và phong cách nhà giáo.
M2	Nắm vững nội dung, thực hành tốt dạy học Giáo dục thể chất và giáo dục học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
M3	Có năng lực tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hiệu quả học sinh phát triển phẩm chất và năng lực qua dạy học Giáo dục thể chất.
M4	Có năng lực thu hút cộng đồng tham gia vào quá trình dạy học và giáo dục học sinh.
M5	Có năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn nghiệp vụ.
M6	Có năng lực quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn ở trường phổ thông.
M7	Có năng lực tư vấn các vấn đề liên quan đến công tác dạy học và giáo



	dục học sinh ở trường phổ thông.
M8	Có năng lực thực hiện nghiên cứu về khoa học giáo dục trong bối cảnh trường phổ thông.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Mã chuẩn đầu ra	Mô tả
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội này sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
C2	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.
C3	Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C4	Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên.
C5	Vận dụng hiệu quả kiến thức về Y- sinh học TDTT giải quyết nhiệm vụ GDTC, thể thao trường học.
C6	Vận dụng hiệu quả kiến thức về lý luận và phương pháp GDTC vào dạy học hình thành kỹ năng, kỹ xảo và phát triển được các tố chất thể lực; kiến thức về tâm lý - giáo dục học TDTT để phát triển năng lực tâm lý, tạo ý thức tập luyện TDTT thường xuyên.
C7	Vận dụng hiệu quả kỹ - chiến thuật các môn thể thao vào dạy học GDTC.
C8	Thiết kế được bài dạy môn Giáo dục thể chất theo định hướng hình thành và phát triển năng lực học sinh, phù hợp với chương trình, SGK, nội dung, đối tượng học sinh và điều kiện dạy học; tổ chức, đánh giá được các hoạt động dạy học môn Giáo dục thể chất.
C9	Xác định được các tiêu chí đánh giá quá trình, kết quả học tập Giáo dục thể chất của học sinh. Xây dựng được công cụ, hướng dẫn đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực Giáo dục thể chất; lựa chọn và sử dụng được các hình thức, phương pháp đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, yêu cầu, nội dung có tính đặc thù của môn Giáo dục thể chất.
C10	Vận dụng hiệu biết về phát triển chương trình giáo dục vào việc phân tích, đánh giá chương trình môn Giáo dục thể chất ở trường phổ thông; phát triển chương trình nhà trường và nội dung giáo dục địa phương trong môn Giáo dục thể chất cho phù hợp với mục tiêu giáo dục mới, yêu cầu thực tiễn của địa phương và nhà trường, đặc điểm của học sinh.
C11	Xác định được các nội dung trải nghiệm cho học sinh từ các chủ đề/bài học trong Chương trình, SGK Giáo dục thể chất; thiết kế được các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học Giáo dục thể chất; tổ chức được các hoạt động hướng nghiệp cho học sinh gắn với các ngành Giáo dục thể chất.
C12	Xây dựng được kế hoạch, tổ chức huấn luyện thể thao trường học và các hoạt động thể thao ngoại khóa.
C13	Xác định, triển khai được một số đề tài, dự án nghiên cứu gắn với thực tiễn giảng dạy GDTC ở phổ thông.

C14	Sử dụng được một số phương pháp phối hợp với cha mẹ hoặc người giám hộ để giáo dục học sinh.
C15	Tự đánh giá được sự phát triển nghề nghiệp của bản thân qua các hoạt động trải nghiệm thực tiễn giáo dục và quan sát đồng nghiệp.
C16	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong những điều kiện làm việc thay đổi, biết chịu trách nhiệm cá nhân, thể hiện được chính kiến trước vấn đề cần giải quyết.

2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra – Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể							
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8
C1	X							
C2					X			
C3					X			
C4							X	
C5		X						
C6	X							
C7	X							
C8	X							
C9			X					
C10					X			
C11		X						
C12						X		
C13								X
C14				X				
C15					X			
C16					X			

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Giáo dục đại cương (không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)	22
II	Giáo dục chuyên ngành	56
	II.1. Cơ sở ngành/nhóm ngành	18
	II.2. Chuyên ngành	38
	- <i>Bắt buộc</i>	28
	- <i>Tự chọn</i>	10
	II.3. Nghiệp vụ sư phạm	35
	- <i>Bắt buộc</i>	31
	- <i>Tự chọn</i>	04
	II.4. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	07
	TỔNG	120

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1. Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam.

4.2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

5.1.1. Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoa học, năm học và học kỳ.

a) Thời gian cho một khóa đào tạo là 4 năm.

b) Một năm học có hai học kỳ chính và có thể có một học kỳ phụ.

Học kỳ chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kỳ phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kỳ phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

5.1.2. Tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập như sau:

- Thời gian rút ngắn tối đa là 2 học kỳ chính.

- Thời gian kéo dài tối đa là 4 học kỳ chính. Thời gian tối đa sinh viên được phép học tập tại trường bao gồm cả thời gian dành cho học ngành phụ, học lấy bằng thứ hai (khi chưa làm thủ tục ra trường), các học kỳ được phép nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân và các học kỳ học ở trường khác trước khi chuyển về Trường ĐHSP Hà Nội 2 (nếu có).

- Thời gian kéo dài tối đa là 8 học kỳ chính dành cho các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ GD&ĐT để hoàn thành chương trình.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức định chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của Chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Chiến lược đánh giá

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.

- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

6.2. *Danh giá kết quả học tập*

Danh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

6.2.1. *Danh giá học phần*

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm tổng hợp đánh giá học phần. Điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các hình thức đánh giá và trọng số mỗi điểm thành phần thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Thang 10 điểm được sử dụng cho tất cả các hình thức đánh giá kết quả học tập trong học phần.

6.2.2. *Danh giá sau từng học kỳ*

Kết quả học tập được đánh giá sau từng học kì qua các chỉ tiêu sau:

1. Khối lượng học tập đăng ký: tính bằng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kì đã được Nhà trường chấp nhận.

2. Điểm trung bình chung học kì: là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kì đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét.

7. Nội dung chương trình

7.1. *Khung chương trình*

Số TT	Môn học	Mã số	Số TC	Loại giờ tín chỉ				Thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu		
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành					
1	Giáo dục đại cương		22								
II	Giáo dục chính trị										
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	03	32	26				77		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	02	21	18				51		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	02	21	18				51		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT104	02	21	18				51		
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	02	21	18				51		

<i>I.2</i>	<i>Kiến thức đại cương</i>						
6	Pháp luật đại cương	PL101	02	15	30		45
7	Tin học	TH101	02	15	30		45
<i>I.3</i>	<i>Ngoại ngữ</i>						
8	Tiếng Anh B1.1	TA101	03	30	30		75
9	Tiếng Anh B1.2	TA102	02	15	30		45
10	Tiếng Anh B1.3	TA103	02	15	30		45
II	Giáo dục chuyên ngành		56				
II.1	Cơ sở ngành/nhóm ngành		18				
11	Giải phẫu người	SH201	02	15	30		45
12	Vệ sinh - Y học TDTT	TC207.1	03	30	30		75
13	Sinh lý người - Sinh lý TDTT	SH204.1	03	30	30		75
14	Phương pháp thống kê trong TDTT	TC309.1	02	15	30		45
15	Lịch sử và quản lý TDTT	TC303.1	02	15	30		45
16	Tâm lý - Giáo dục học TDTT	TC304.1	03	30	30		75
17	Tiếng Anh chuyên ngành	TC464	03	30	30		75
II.2	Chuyên ngành		38				
	<i>Bắt buộc</i>		<i>28</i>				
18	Điện kính 1 và PP giảng dạy	TC425.1	02	12	48		30
19	Điện kính 2 và PP giảng dạy	TC426.1	03	18	72		45
20	TD cơ bản - Thể dục đồng diễn - Trò chơi và PP giảng dạy	TC428.1	02	12	48		30
21	Âm nhạc vũ đạo, KVTT, Aerobic và PPGD	TC206.1	03	18	72		45
22	Bơi lội 1 và PP giảng dạy	TC430.1	02	12	48		30
23	Bóng đá 1 và PP giảng dạy	TC431.1	02	12	48		30
24	Bóng chuyền 1 và PP giảng dạy	TC432.1	02	12	48		30
25	Bóng bàn 1 và PP giảng dạy	TC433.1	02	12	48		30
26	Bóng rổ 1 và PP giảng dạy	TC435.1	02	12	48		30
27	Cầu lông 1 và PP giảng dạy	TC436.1	02	12	48		30
28	Đá cầu 1 và PP giảng dạy	TC437.1	02	12	48		30
29	Cờ vua 1 và PP giảng dạy	TC438.1	02	12	48		30

30	Võ 1 và PP giảng dạy	TC439.1	02	12		48		30
	<i>Tự chọn nâng cao (chọn 2 trong các môn sau)</i>		<i>10</i>					
31	Điền kinh 3	TC444	02	12		48		30
32	Điền kinh 4	TC450	03	18		72		45
33	Thể dục 1	TC452	02	12		48		30
34	Thể dục 2	TC458	03	18		72		45
35	Bơi lội 2	TC457	02	12		48		30
36	Bơi lội 3	TC463	03	18		72		45
37	Bóng đá 2	TC454	02	12		48		30
38	Bóng đá 3	TC460	03	18		72		45
39	Bóng chuyền 2	TC445	02	12		48		30
40	Bóng chuyền 3	TC451	03	18		72		45
41	Bóng bàn 2	TC456	02	12		48		30
42	Bóng bàn 3	TC462	03	18		72		45
43	Bóng rổ 2	TC443	02	12		48		30
44	Bóng rổ 3	TC449	03	18		72		45
45	Cầu lông 2	TC440	02	12		48		30
46	Cầu lông 3	TC446	03	18		72		45
47	Đá cầu 2	TC455	02	12		48		30
48	Đá cầu 3	TC461	03	18		72		45
49	Cờ vua 2	TC441	02	12		48		30
50	Cờ vua 3	TC447	03	18		72		45
51	Võ 2	TC442	02	12		48		30
52	Võ 3	TC448	03	18		72		45
II.3	Nghiệp vụ sư phạm		35					
	<i>Bắt buộc</i>		<i>31</i>					
53	Tâm lý học đại cương	TL501	02	15	30			45
54	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	TL502	02	15	30			45
55	Những vấn đề chung về giáo dục học	GD501	02	15	30			45
56	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông	GD502	02	15	30			45
57	Phương pháp NCKH chuyên ngành GDTC	TC306.1	02	15	30			45
58	Thực hành sư phạm 1	TC600.1	02			60		30

59	Thực hành sư phạm 2	TC601.1	02			60		30
60	Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC	TC901.1	02	15	30			45
61	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngành GDTC	HD901.1	02	15		30		45
62	Lý luận và phương pháp GDTC	TC501.1	03	30	30			75
63	Phương pháp GDTC - Thể thao trường học	TC506.1	03	30	30			75
64	Thực tập sư phạm 1	TC602	03				135	
65	Thực tập sư phạm 2	TC603	04				180	
<i>Tự chọn (chọn 2 trong các môn sau)</i>			04					
66	Rèn luyện NVSP TX	SP101	02		60			30
67	Ứng dụng CNTT trong dạy học thể dục	TC301.1	02	15	30			45
68	Thể dục chữa bệnh	TC902	02	15	20	10		45
69	Dinh dưỡng thể thao và sức khoẻ	TC903	02	15	30			45
70	Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT	TL503	02	15	30			45
71	Tham vấn học đường	TL504	02	15	30			45
72	Giao tiếp sư phạm	TL505	02	15	30			45
73	Tâm lý học giới tính	TL506	02	15	30			45
74	Những vấn đề giáo dục cần cập nhật	GD503	02	15	30			45
75	Phương pháp học tập nghiên cứu của sinh viên	GD504	02	15	30			45
II.4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế	TC701	07					
	Khóa luận tốt nghiệp		07					
	Các học phần thay thế KLTN		07					
76	Y sinh học TDTT	TC801	03	30	30			75
77	Lý luận và phương pháp TD, TT trường học	TC802	04	45	30			105
	Tổng cộng		120					

7.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra															
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
CT111	T															
CT112	T															
CT113	T															
CT103	T															
CT115	T															
TA101																
TA102																
TA103																
TH101																
PL101	T															
SH201																
TC207.1								T								
SH204.1								T								
TC309.1																
TC303.1									T							
TC304.1									T							
TC464										T						
TC425.1										T						
TC426.1										T						
TC428.1										T						
TC206.1										T						
TC430.1										T						
TC431.1										T						
TC432.1										T						
TC433.1										T						
TC435.1										T						
TC436.1										T						

Học phần	Chuẩn đầu ra															
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16
GID502				T												
TC306.I														T		U
TC600.I														T		U
TC601.I					T	T	T	T	T	T				T		U
TC901.I														T		U
HD901.I														T		U
TC501.I					T											U
TC506.I						T				T				T		
TC602							T	T	T					T	T	U
TC603								T	T	T				T	T	U
SP101									T							U
TC301.I										T						
TC902											T					U
TC903												T				U
TL503																
TL504																
TL505																
TL506																
GD503																
GD504																
TC801											T					U
TC802												T				U

8. Mô tả tóm tắt các học phần

8.1. Triết học Mác - Lênin (03 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

8.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể này sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

8.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

8.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiền trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Môn học có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

8.6. Tiếng Anh A2.1 (03 tín chỉ)

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học các chuyên ngành tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học trang bị cho sinh viên khối lượng kiến thức cơ bản về bộ môn Tiếng Anh (kỹ năng thực hành nghe, nói, đọc, viết và Ngữ Pháp). Môn học giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về các kỹ năng trong Tiếng Anh đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng đó cho sinh viên các khối không chuyên.

8.7. Tiếng Anh A2.2 (02 tín chỉ)

Đây là môn học bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học các chuyên ngành tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; cùng cỗ kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; cùng cỗ và nâng cao vốn từ vựng.

Môn Tiếng Anh A2.2 là môn học tiếp nối môn Tiếng Anh A2.1 (Môn Tiếng Anh A2.1 dạy 5 bài đầu, môn Tiếng Anh A2.2 dạy 4 bài tiếp theo và môn tiếng Anh A2.3 dạy 3 bài cuối giáo trình LIFE (A1- A2).

8.8. Tiếng Anh A2.3 (02 tín chỉ)

Môn Tiếng Anh A2.3 là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành.

Môn học giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; cung cấp kiến thức ngữ pháp sinh viên đã học ở phổ thông; cung cấp và nâng cao vốn từ vựng.

Môn Tiếng Anh A2.3 là môn học tiếp nối môn Tiếng Anh A2.1 và A2.2. Tiếng Anh A2.3 dạy 3 bài cuối giáo trình *LIFE* (A1-A2) là Unit 10, 11 và 12.

8.7. Tin học (02 tín chỉ)

Môn Tin học tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng.

8.10. Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý trong công việc, trong thực tiễn và hình thành ý thức tự giác trong tuân thủ pháp luật.

8.11. Giải phẫu người (02 tín chỉ)

- Là môn học bắt buộc của khối KT chuyên ngành trong CTĐT nghành GDTC nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về cấu trúc, hình thái, chức năng, cấu tạo của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể người; giúp người học hình thành kỹ năng sử dụng đúng thuật ngữ để mô tả, phân tích trong quá trình dạy học GDTC, phân biệt được sự khác nhau giữa hai hệ cơ quan trong cơ thể.

- Giải phẫu người gồm 2 tín chỉ, được chia làm 2 phần, mỗi phần chia làm 3 chương, cụ thể:

Phần A: Hệ cơ quan vận động

Chương 1. Đại cương về giải phẫu

Chương 2. Đại cương về Xương - Khớp - Cơ

Chương 3. Cụ thể hóa Xương - Khớp - Cơ

Phần B: Hệ cơ quan nội tạng

Chương 4. Hệ tiêu hóa - tiết niệu.

Chương 5. Hệ hô hấp - Hệ tuần hoàn

Chương 6. Hệ giác quan

Học phần Giải phẫu người là môn học nền tảng làm cơ sở khoa học biện chứng cho các học phần khác trong chương trình đào tạo như: Dựa vào kiến thức cơ bản về hình thái, cấu trúc và chức năng của các hệ cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể để chúng ta học tốt các học phần sinh lý người - sinh lý TDTT, Y học TDTT, Tâm lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, cũng như các môn thể thao chuyên ngành khác.

8.12. Vệ sinh - Y học TDTT (03 tín chỉ)

Là môn học bắt buộc của khối KT chuyên ngành trong CTĐT nghành GDTC nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về vệ sinh - y học TDTT như: chế độ dinh dưỡng, cách vệ sinh từ cá nhân đến vệ sinh trường học tới môi trường sống xung quanh; đặc biệt là kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực y học TDTT như nguyên nhân, triệu chứng của các chấn thương và trạng thái bệnh lý, hay các phương pháp kiểm tra y học sơ phạm đến tự kiểm tra, từ hình thái bên ngoài đến cấu tạo bên trong cơ thể người học; giúp người học hình thành kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu một số chấn thương, và kỹ năng hồi phục sức khỏe sau tập luyện... trong hoạt động GDTC.

Vệ sinh - y học gồm 3 tín chỉ, được chia làm 2 phần

Phần A: Vệ sinh TDTT

Chương 1. Vệ sinh cá nhân.
Chương 2. Vệ sinh dinh dưỡng.
Chương 3. Vệ sinh môi trường.
Chương 4. Vệ sinh trường học.

Phần B: Y học TDTT

Chương 5. Phương pháp kiểm tra và đánh giá mức độ phát triển thể chất.

Chương 6. Kiểm tra chức năng Hệ tuần hoàn - Hệ hô hấp - Thần kinh - cơ và các phương pháp kiểm tra y học sự phạm.

Chương 7. Các chấn thương thường gặp và cách điều trị trong hoạt động TDTT.

Chương 8. Các trạng thái bệnh lý và phương pháp thúc đẩy quá trình hồi phục trong hoạt động TDTT.

Học phần Vệ sinh - y học TDTT là một môn khoa học thực hành với đầy đủ các nhiệm vụ, phương pháp, cơ sở lý luận và các vấn đề nghiên cứu đặc trưng của riêng mình. Dựa vào kiến thức và kỹ năng của môn học mà sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức y sinh học để tiến hành nghiên cứu, hoàn thiện quá trình GDTC nhằm nâng cao sức khỏe, thành tích thể thao, cũng như phòng tránh, xử trí các chấn thương, bệnh lý thường gặp trong dạy học GDTC, cũng như tham gia học tập các môn thể thao chuyên nghành khác.

8.13. Sinh lý người - Sinh lý TDTT (03 tín chỉ)

Sinh lý người- sinh lý TDTT là môn học cơ bản trong lĩnh vực y sinh học TDTT, là môn học bắt buộc trong CTĐT của nghành GDTC, được chia làm 2 phần, 7 chương tập trung chủ yếu vào vấn đề như:

PHẦN A. SINH LÝ NGƯỜI

Chương 1. Sinh lý hệ thần kinh-cơ

Chương 2. Sinh lý hệ vận chuyển oxy

Chương 3. Chuyển hóa năng lượng và điều hòa thân nhiệt.

PHẦN B. SINH LÝ TDTT

Chương 4. Phân loại và đặc tính sinh lý của bài tập thể thao

Chương 5. Cơ sở sinh lý của các tổ chất vận động và trình độ tập luyện

Chương 6. Đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động thể dục thao.

Chương 7. Đặc điểm sinh lý theo độ tuổi và giới tính trong tập luyện thể dục thể thao

- Có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng thực hiện các môn thể thao trong chương trình giáo dục phổ thông môn thể dục.

- Mạch kiến thức và kỹ năng của môn học là sự bổ sung và phát triển dựa trên chương trình cũ

- Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Giải phẫu người, sinh lý TDTT, các môn thể thao chuyên nghành...trong chương trình.

8.14. Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao (02 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê và đo lường: thống kê mô tả tập dữ liệu, các tham số đặc trưng, sơ lược về xác suất. Trên cơ sở đó, học phần trang bị cho sinh viên một số phương pháp phân tích thống kê suy diễn từ các bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, so sánh các tham số và phân tích hồi quy.

8.15. Lịch sử và quản lý TDTT (02 tín chỉ)

Môn học Lịch sử và quản lý TDTT gồm 2 phần tập trung vào các vấn đề lớn sau:

Phần 1. Lịch sử TDTT: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự phát triển TDTT; sinh viên có khả năng truyền tải những kiến thức cho mọi đối tượng nhằm tuyên

truyền những giá trị về TDTT vận động mọi người cùng tham gia. Nội dung gồm 5 chương.

Phần 2. Quản lý TDTT: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản lý TDTT trường học, nội dung gồm 6 chương.

Chương 1. Lịch sử ra đời và phát triển Thể dục thể thao

Chương 2. Thể dục thể thao thời kỳ cận đại

Chương 3. Phong trào Olympic thế giới

Chương 4. Ủy ban Olympic Việt Nam và các Liên đoàn thể thao Việt Nam

Chương 5. Sự hình thành và phát triển của nền Thể dục thể thao Việt Nam

Chương 6. Cơ sở lý luận của Quản lý Thể dục thể thao

Chương 7. Nguyên tắc và phương pháp quản lý TDTT

Chương 8. Hệ thống tổ chức – Quản lý Thể dục thể thao

Chương 9. Tổ chức quản lý và đánh giá công tác Thể dục thể thao trường học

- Nội dung môn học có mối quan hệ trực tiếp các môn chuyên ngành trong chương trình Giáo dục thể chất ở phổ thông, và có quan hệ gián tiếp đối với các cơ sở ngành.

- Mạch kiến thức, kỹ năng của môn học được kế thừa, bổ sung và phát triển dựa trên các chương trình đào tạo trước.

- Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình.

8.16. Tâm lý - Giáo dục học TDTT (03 tín chỉ)

Môn học Tâm lý học TDTT cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tâm lý trong hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT.

Môn học Tâm lý TDTT gồm 4 chương:

Chương 1: Tâm lý học TDTT là một chuyên ngành khoa học tâm lý

Chương 2: Đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao

Chương 3: Cơ sở tâm lý của giảng dạy động tác và huấn luyện thể thao

Chương 4. Năng khiếu và tài năng thể thao

Môn học Giáo dục học TDTT cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lĩnh vực Giáo dục trong hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT.

Môn học GDH TDTT gồm 4 chương:

Chương 5. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của GDH TDTT

Chương 6. Thể dục thể thao với sự phát triển nhân cách

Chương 7. Lý luận dạy học thể dục thể thao

Chương 8. Lý luận giáo dục đạo đức TDTT

8.17. Tiếng Anh chuyên ngành (03 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành giáo dục thể chất.

Đây là môn học tiếp nối môn Tiếng Anh A2.1 (Mã môn học: A2101), môn Tiếng Anh A2.2 (Mã môn học: A2102), Tiếng Anh A2.3 (Mã môn học: A2103), do đó, sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh, có kỹ năng nghe nói đọc viết tiếng Anh về các chủ đề quen thuộc.

Học phần Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục thể chất tập trung vào kỹ năng dịch chuyên ngành (dịch Anh - Việt), giúp sinh viên củng cố, bổ sung thêm vốn kiến thức về chuyên ngành, và có hệ thống thuật ngữ riêng liên quan tới lĩnh vực thể dục, thể thao, giáo dục thể chất.

8.18. Điện kinh I và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Điện kinh I trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, sự phát triển môn điện kinh, nguyên lý kỹ thuật các môn điện kinh; những kiến thức và kỹ năng

thực hiện các kỹ thuật ném bóng, chạy bền và nhảy cao nghiêng mình, nhảy cao úp bụng; phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu, trọng tài di chạy bền, nhảy cao.

Nội dung môn học gồm 2 tín chỉ được chia làm hai phần lý thuyết và thực hành.

Phần lý lý thuyết gồm 7 chương:

Chương 1: Lịch sử và xu thế phát triển điền kinh

Chương 2: Nguyên lý kỹ thuật các môn điền kinh

Chương 3: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện ném bóng

Chương 4: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện chạy cự ly trung bình

Chương 5: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy cao nghiêng mình, úp bụng

Chương 6: Phương pháp giảng dạy chung trong điền kinh và xây dựng, phát triển chương trình trong điền kinh

Chương 7: Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài chạy trung bình và nhảy cao

Phần thực hành gồm 4 nội dung:

- Thực hành kỹ thuật ném bóng, chạy cự ly trung bình nhảy cao kiểu nghiêng mình và nhảy cao úp bụng.

- Thực hành soạn giáo án và giảng dạy nội dung ném bóng, chạy cự ly trung bình, nhảy cao kiểu nghiêng mình và nhảy cao úp bụng.

- Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài chạy cự ly trung bình, nhảy cao kiểu nghiêng mình và nhảy cao úp bụng.

Học phần Điền kinh 1 và phương pháp giảng dạy có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Điền kinh 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.19. Điền kinh 2 và phương pháp giảng dạy (03 tín chỉ)

Điền kinh 2 trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật các môn điền kinh, một số vấn đề trong công việc của giáo viên thể dục ở trường phổ thông; những kiến thức và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật chạy ngắn - chạy tiếp sức, nhảy xa kiểu ngồi, nhảy xa ưỡn thân, đẩy tạ vai hướng ném, đẩy tạ lưng hướng ném; phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu, trọng tài chạy ngắn - chạy tiếp sức, nhảy xa, đẩy tạ.

Nội dung môn học gồm 2 tín chỉ được chia làm hai phần lý thuyết và thực hành.

Phần lý lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1: Nguyên lý kỹ thuật các môn các môn điền kinh.

Chương 2: Kỹ thuật, Phương pháp giảng dạy và huấn luyện chạy ngắn, chạy tiếp sức.

Chương 3: Kỹ thuật, Phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy xa kiểu ngồi, kiểu ưỡn thân.

Chương 4: Kỹ thuật, Phương pháp giảng dạy và huấn luyện đẩy tạ vai hướng ném, lưng hướng ném.

Chương 5: Luật, phương pháp tổ chức, trọng tài chạy ngắn, chạy tiếp sức, nhảy xa, đẩy tạ.

Chương 6: Những vấn đề trong giảng dạy điền kinh ở trường phổ thông.

Phần thực hành gồm 3 nội dung:

- Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài chạy ngắn - chạy tiếp sức, nhảy xa kiểu ngồi - ưỡn thân, đẩy tạ vai - lưng hướng ném.

Học phần Điền kinh 2 và phương pháp giảng dạy có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Điền kinh 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.20. Thể dục cơ bản - Thể dục đồng diễn - Trò chơi và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Môn học tập trung vào phương pháp giảng dạy biến đổi đội hình đội ngũ cơ bản trong quá trình lên lớp, các động tác thể dục thực dụng, thể dục cơ bản phù hợp với đội tượng tập luyện, các cách biến đổi đơn giản trong thể dục đồng diễn. Ứng dụng âm nhạc kết hợp với tập luyện, cách tổ chức trò chơi nhằm phát triển thể lực cho người tập. Biên soạn các màn đồng diễn với qui mô nhỏ, các trò chơi vận động theo mục đích buổi học. Phương pháp giảng dạy và biên soạn. Cung cấp phương pháp phát triển các tố chất vận động, xây dựng chương trình môn học GDTC.

Nội dung chương trình gồm 6 chương:

- Lý thuyết:

Chương 1. Lịch sử phát triển và khái quát chung môn thể dục.

Chương 2. Đội hình đội ngũ và phương pháp phát triển các tố chất vận động.

Chương 3. Phương pháp giảng dạy, xây dựng và phát triển chương trình GDTC.

Chương 5. Thể dục đồng diễn và trò chơi vận động.

- Thực hành:

Chương 4. Đội hình, đội ngũ, thể dục cơ bản và thực dụng.

Chương 6. Biên soạn và thực hành thể dục đồng diễn – trò chơi vận động.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Lý luận và phương pháp GDTC, phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần thể dục 2 và thể dục 3.

Bổ sung kiến thức về sử dụng hình vẽ trong biên soạn thể dục cơ bản, sinh viên được làm quen tập luyện kết hợp âm nhạc; Phương pháp biên soạn trò chơi vận động, biên soạn bài thể dục đồng diễn với qui mô nhỏ, trang bị thêm những kiến thức mới có liên quan đến nội dung giảng dạy.

Có quan hệ chặt chẽ với các hoạt động giáo dục thể chất trong trường phổ thông.

8.21. Âm nhạc vũ đạo, Khiêu vũ thể thao, Aerobic và phương pháp giảng dạy (03 tín chỉ)

Âm nhạc vũ đạo, Khiêu vũ thể thao, Aerobic và phương pháp giảng dạy là môn học được tổng hòa của ba nội dung múa, khiêu vũ thể thao và thể dục aerobic. Đây là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích về lịch sử, đặc điểm môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp biên soạn bài, phương pháp tổ chức thi đấu, kiểm tra đánh giá và còn trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hành một số điệu múa, điệu nhảy, bài Aerobic cơ bản.

Học phần Âm nhạc vũ đạo, Khiêu vũ thể thao, Aerobic và phương pháp giảng dạy gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần: lý thuyết và thực hành.

Lý thuyết: gồm 7 chương

- Chương 1: Múa dân gian Việt Nam

- Chương 2: Khiêu vũ thể thao

- Chương 3: Thể dục Aerobic

- Chương 4: Phương pháp giảng dạy

- Chương 5: Phương pháp biên soạn

- Chương 6: Tổ chức biểu diễn, thi đấu, trọng tài.

- Chương 7: Kiểm tra đánh giá

Thực hành : gồm 3 chương

- Chương 8: Múa dân gian
- Chương 9: Khiêu vũ thể thao
- Chương 10: Thể dục Aerobic

Âm nhạc vũ đạo, Khiêu vũ thể thao, Aerobic và phương pháp giảng dạy có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Thể dục cơ bản – Thể dục đồng diễn - Trò chơi vận động và phương pháp giảng dạy, Lý luận và phương pháp GDTC, Thể dục 1, Thể dục 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Âm nhạc vũ đạo - Khiêu vũ thể thao - Aerobic và phương pháp giảng dạy có liên quan trực tiếp đến chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.22. Bơi lội I và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Bơi lội 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Môn học Bơi lội 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 8 chương:

Chương 1: Lịch sử, vai trò, tác dụng của môn bơi thể thao

Chương 2: Khái niệm, đặc tính, lực học chất lỏng có liên quan khi bơi

Chương 3: Kỹ thuật bơi ếch

Chương 4: Kỹ thuật bơi trườn sấp

Chương 5: Phương pháp giảng dạy bơi thể thao

Chương 6: Phương pháp cứu nạn, cứu hộ

Chương 7: Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài trong bơi thể thao.

Chương 8: Xây dựng chương trình, phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá môn bơi thể thao

- Thực hành:

Kỹ thuật bơi ếch

Kỹ thuật bơi trườn sấp

Kỹ thuật cứu đuối

Phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi thể thao

Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bơi thể thao

Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần bơi lội 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần bơi lội 2 và học phần bơi lội 3.

Kiến thức và kỹ năng bơi lội 1 và phương pháp giảng dạy có liên quan trực tiếp đến nội dung bơi trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.23. Bóng đá I và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Bóng đá 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Bóng đá 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1: Lịch sử, vai trò, tác dụng và xu thế phát triển môn Bóng đá

Chương 2: Kiến thức về kỹ thuật Bóng đá

Chương 3: Phương pháp giảng dạy kỹ thuật Bóng đá

Chương 4: Chiến thuật Bóng đá

Chương 5: Phương pháp tổ chức thi đấu - Luật - Trọng tài

Chương 6: Xây dựng kế hoạch giảng dạy và thiết kế giáo án dạy học môn Bóng đá

- Thực hành: 3 phần

1. Kỹ thuật cơ bản

2. Chiến thuật cơ bản

3. Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Bóng đá

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá

Học phần Bóng đá 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, học phần bóng đá 2 và học phần bóng đá 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng đá 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.24. Bóng chuyền 1 và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Bóng chuyền 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Bóng chuyền 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 5 chương:

Chương 1 : Sơ lược lịch sử phát triển môn bóng chuyền

Chương 2 : Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền

Chương 3: Các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy kỹ thuật bóng chuyền

Chương 4: Phương pháp tổ chức thi đấu, luật - trọng tài.

Chương 5: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn học bóng rổ theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

Tư thế chuẩn bị và di chuyển

Kỹ thuật cơ bản Bóng chuyền

Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Bóng chuyền

Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng chuyền

Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần y học, sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Thể thao trường học, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần chuyền 2 và học phần bóng chuyền 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng chuyền 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.25. Bóng bàn 1 và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Bóng bàn 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy,

phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Bóng bàn 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết: (trên lớp) 12 tiết gồm 7 chương

Chương 1: Lịch sử và xu thế phát triển môn Bóng bàn

Chương 2: Nguyên lý chung về Bóng bàn

Chương 3: Nguyên lý kỹ thuật cơ bản Bóng bàn

Chương 4: Phương pháp giảng dạy kỹ thuật Bóng bàn

Chương 5: Chiến thuật Bóng bàn

Chương 6: Phương pháp tổ chức thi đấu – Luật – Trọng tài

Chương 7: Xây dựng kế hoạch giảng dạy và thiết kế giáo án dạy học môn Bóng bàn

- Thực hành: 4 phần

1. Kỹ thuật cơ bản trong Bóng bàn

2. Chiến thuật cơ bản

3. Phương pháp giảng dạy kỹ thuật Bóng bàn

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá

Học phần Bóng bàn 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lí luận và phương pháp GDTC, học phần bóng bàn 2 và học phần bóng bàn 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng bàn 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.26. Bóng rổ 1 và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Bóng rổ 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Bóng rổ 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng môn bóng rổ.

Chương 2. Kỹ thuật Bóng rổ

Chương 3. Chiến thuật Bóng rổ.

Chương 4. Phương pháp giảng dạy môn Bóng rổ

Chương 5: Phương pháp tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và luật.

Chương 6: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn học bóng rổ theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cơ bản

2. Chiến thuật cơ bản

3. Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Bóng rổ

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng rổ

5. Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần Bóng rổ 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lí luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần bóng rổ 2 và học phần bóng rổ 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng rổ 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.27. Cầu lông 1 và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Cầu lông 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Cầu lông 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Lịch sử phát triển và vị trí, tác dụng môn Cầu lông.

Chương 2. Kỹ thuật Cầu lông

Chương 3. Chiến thuật Cầu lông

Chương 4. Phương pháp giảng dạy môn Cầu lông

Chương 5: Phương pháp tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và luật.

Chương 6: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn học Cầu lông theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cơ bản

2. Chiến thuật cơ bản

3. Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Cầu lông

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Cầu lông

5. Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần Cầu lông 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lí luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Cầu lông 2 và học phần Cầu lông 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Cầu lông 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.28. Đá cầu 1 và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Đá cầu 1 và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Đá cầu 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Lịch sử phát triển và đặc điểm tác dụng môn Đá cầu.

Chương 2. Kỹ thuật Đá cầu

Chương 3. Chiến thuật Đá cầu

Chương 4. Phương pháp giảng dạy môn Đá cầu

Chương 5: Phương pháp tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và luật.

Chương 6: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn học Đá cầu theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cơ bản

- Chiến thuật cơ bản
- Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Đá cầu
- Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Đá cầu
- Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần Đá cầu 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Đá cầu 2 và học phần Đá cầu 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Đá cầu 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.29. Cờ vua I và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Môn học Cờ vua tập trung vào cung cấp cho người học những tri thức cơ bản môn Cờ vua, hoạt động tập luyện thi đấu môn Cờ vua. Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho người học cụ thể là:

- Lý thuyết: Những tri thức cơ bản của môn Cờ vua; luật Cờ vua; kiến thức về các giai đoạn của ván đấu: khai cuộc, trung cuộc, tàn cuộc; Phương pháp tính toán trong Cờ vua, cờ thê; hình thức giảng dạy trong Cờ vua. Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn Cờ vua theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành: Giải các bài tập chiếu hết sau 1, 2 nước đi dạng đơn giản và phức tạp; Các bài tập rèn luyện và kiểm tra kỹ năng khai cuộc; Kỹ năng thực hiện chiến thuật, chiến lược trong giai đoạn trung cuộc; Kỹ năng chơi tàn cuộc; Đầu tập. Phương pháp Kiểm tra đánh giá môn học.

Học Cờ vua giúp cho người học nâng cao khả năng tư duy, trí nhớ, làm tăng các kỹ năng về không gian và con số, phát triển khả năng giải quyết vấn đề, tư duy logic. Từ đó các em sẽ tiếp thu các môn học văn hóa nhanh hơn và sáng tạo và tích cực hơn.

Môn học Cờ vua có quan hệ chặt chẽ với các môn khoa học tự nhiên và môn tâm lý đại cương, tâm lý TDTT.

8.30. Võ I và phương pháp giảng dạy (02 tín chỉ)

Võ I và phương pháp giảng dạy là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Võ I và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Lịch sử phát triển môn võ Taekwondo.

Chương 2. Cơ sở khoa học của môn võ Taekwondo.

Chương 3. Kỹ thuật Taekwondo.

Chương 4. Phương pháp giảng dạy môn Taekwondo

Chương 5: Phương pháp tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và luật.

Chương 6: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn võ Taekwondo theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cơ bản

2. Chiến thuật cơ bản

3. Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Taekwondo

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Taekwondo

5. Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần Võ 1 và phương pháp giảng dạy có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Võ 2 và học phần Võ 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Võ 1 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.31. Điền kinh 3 (02 tín chỉ)

Điền kinh 3 trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về cở sở và nguyên tắc huấn luyện trong điền kinh. Những kiến thức và kỹ năng thực hiện kỹ thuật đi bộ thể thao và nhảy cao kiều lưng qua xà.

Nội dung môn học gồm 2 tín chỉ được chia làm hai phần lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết gồm 5 chương:

Chương 1: Cơ sở huấn luyện điền kinh.

Chương 2: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện kỹ thuật đi bộ thể thao.

Chương 3: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy cao kiều lưng qua xà.

Chương 4: Phương pháp kiểm tra và đánh giá kỹ thuật đi bộ thể thao và nhảy cao kiều lưng qua xà.

Chương 5: Phương pháp tổ chức, trọng tài đi bộ thể thao, nhảy cao.

Phần thực hành gồm 2 nội dung:

- Thực hành kỹ thuật đi bộ thể thao và nhảy cao kiều lưng qua xà.

- Thực hành soạn giáo án và giảng dạy đi bộ thể thao và nhảy cao kiều lưng qua xà.

- Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài đi bộ thể thao và nhảy cao kiều lưng qua xà.

Học phần Điền kinh 3 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Điền kinh 1 và học phần Điền kinh 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Điền kinh 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.32. Điền kinh 4 (03 tín chỉ)

Điền kinh 4 trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản về phương pháp lập kế hoạch, tuyển chọn vận động viên điền kinh và các phương pháp y sinh học áp dụng trong kiểm tra khả năng hoạt động thể lực của vận động viên; những kiến thức và kỹ năng thực hiện các kỹ thuật nhảy xa kiều cắt kéo, nhảy xa ba bước, chạy vượt rào; phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu, trọng tài nhảy xa ba bước, chạy vượt rào.

Nội dung môn học gồm 3 tín chỉ được chia làm hai phần lý thuyết và thực hành.

Phần lý thuyết gồm 8 chương:

Chương 1: Phương pháp lập kế hoạch huấn luyện điền kinh.

Chương 2: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy xa kiều cắt kéo.

Chương 3: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện nhảy xa ba bước.

Chương 4: Phương pháp tuyển chọn vận động viên điền kinh.

Chương 5: Các phương pháp y sinh học áp dụng trong kiểm tra khả năng hoạt động thể lực của vận động viên.

Chương 6: Kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và huấn luyện chạy vượt rào.

Chương 7: Phương pháp tổ chức, trọng tài thi đấu nhảy xa, chạy vượt rào.

Chương 8: Phương pháp kiểm tra và đánh giá kỹ thuật nhảy xa, nhảy xa ba bước, chạy vượt rào.

Phần thực hành gồm 3 nội dung:

- Thực hành kỹ thuật nhảy xa kiểu cắt kéo, nhảy xa ba bước và chạy vượt rào.
- Thực hành soạn giáo án và giảng dạy nội dung nhảy xa kiểu cắt kéo, nhảy xa ba bước và chạy vượt rào.
- Thực hành tổ chức thi đấu và trọng tài nhảy xa kiểu cắt kéo, nhảy xa ba bước và chạy vượt rào.

Học phần Điền kinh 4 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Điền kinh 1 và học phần Điền kinh 2, Điền kinh 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Điền kinh 4 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.33. Thể dục 1 (02 tín chỉ)

Tập trung vào trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản phần 1 cung cấp các kiến thức lý luận cho sinh viên bao gồm những nội dung sau: Lịch sử phát triển môn thể dục theo các thời kỳ; Các khái niệm, tác dụng của phòng ngừa chấn thương và bảo hiểm giúp đỡ trong tập luyện và thi đấu thể dục dụng cụ; Phương pháp bảo hiểm và giúp đỡ trong tập luyện; Nguyên lý kỹ thuật các động tác trong thể dục dụng cụ; Các kỹ thuật động tác trong thể dục dụng cụ.

Nội dung chương trình được chia thành 5 chương, trong đó

Lý thuyết gồm:

Chương 1: Lịch sử phát triển môn thể dục dụng cụ.

Chương 2: Khái niệm, tác dụng của phòng ngừa chấn thương và bảo hiểm giúp đỡ trong thể dục dụng cụ.

Chương 3: Nguyên lý kỹ thuật các nhóm động tác.

Chương 4: Phương pháp giảng dạy, phát triển các tố chất thể lực trong thể dục dụng cụ và xây dựng chương trình giáo dục thể chất

Thực hành gồm:

Chương 5: Thực hành các kỹ thuật động tác trong thể dục dụng cụ.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao hơn chương trình trước; phương pháp phát triển các tố chất vận động, các phương pháp giảng dạy biên soạn giáo án, tiến trình giảng dạy.

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học Thể dục cơ bản trong chương trình giáo dục phổ thông.

8.34. Thể dục 2 (03 tín chỉ)

Tập trung vào trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong môn khiêu vũ thể thao như về các danh từ, thuật ngữ, cách ghi chép, phương pháp giảng dạy khiêu vũ, tổ chức thi đấu và trọng tài khiêu vũ. Nâng cao kỹ thuật khiêu vũ cho sinh viên.

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thể dục thể hình như: ý nghĩa đối với người tập, phân loại các dạng thể dục thể hình, phương pháp giảng dạy và lên lớp môn thể hình; phương pháp phát triển các tố chất vận động trong môn thể hình và xây dựng chương trình GDTC.

Trang bị các kỹ năng phân tích, thị phạm, nghiệp vụ đứng lớp cho sinh viên. Năng lực sáng tạo và biên soạn các bài biểu diễn khiêu vũ, các động tác phát triển thể hình theo các nhu cầu và yêu cầu khác nhau về mục đích.

Nội dung chương trình gồm 6 chương, cụ thể như sau:

Lý Thuyết bao gồm:

Chương 1. Các danh từ, thuật ngữ cơ bản, phương pháp ghi chép và giảng dạy khiêu vũ.

Chương 2. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài khiêu vũ thể thao và cấu trúc một giờ lên lớp.

Chương 4. Khái quát thể dục thể hình, phương pháp phát triển các tố chất vận động và xây dựng chương trình GDTC

Thực hành gồm:

Chương 3. Nâng cao các điệu nhảy

Chương 5. Thực hành thể dục thể hình.

Chương 6. Thực hành phương pháp giảng dạy.

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học Thể dục 1 trong chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất.

8.35. Bơi lội 2 (02 tín chỉ)

Bơi lội 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở khoa học về nguyên lý kỹ thuật bơi ngửa, phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi ngửa, phương pháp huấn luyện phát triển các tố chất thể lực và phương pháp kiểm tra y học trong huấn luyện bơi thể thao, kỹ năng giảng dạy và thực hành về kỹ thuật bơi ngửa

Môn học Bơi lội 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học và nguyên lý kỹ thuật bơi thể thao

Chương 2: Kỹ thuật bơi ngửa và phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi ngửa

Chương 3: Phương pháp huấn luyện bơi thể thao

Chương 4: Phương pháp kiểm tra y học trong huấn luyện bơi thể thao

- Thực hành:

Làm quen nước

Kỹ thuật bơi ngửa

Phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi ngửa

Phương pháp huấn luyện phát triển thể lực trong môn bơi thể thao

Phương pháp kiểm tra y học trong huấn luyện bơi thể thao

Kiến thức và kỹ năng bơi liên quan trực tiếp đến nội dung bơi trong chương trình môn học thể dục ở trường phổ thông.

Học phần bơi lội 1 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần bơi lội 1 và phương pháp giảng dạy và học phần bơi lội 3.

8.36. Bơi lội 3 (03 tín chỉ)

Bơi lội 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng bơi bướm và phương pháp giảng dạy bơi bướm, tuyển chọn và đào tạo vận động viên bơi trẻ, phương pháp huấn luyện vận động viên thiếu niên, công tác nghiên cứu khoa học trong môn bơi thể thao, cơ sở vật chất và phương pháp thi đấu, trọng tài bơi thể thao

Môn học Bơi lội 1 và phương pháp giảng dạy gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 5 chương:

Chương 1: Bơi bướm và phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi bướm

Chương 2: Tuyển chọn và đào tạo VĐV bơi thể thao trẻ

Chương 3: Phương pháp huấn luyện VĐV thiếu niên

Chương 4: Công tác nghiên cứu khoa học trong bơi thể thao

Chương 5: Cơ sở vật chất và phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài

- Thực hành: Kỹ thuật bơi bướm, huấn luyện thể lực và công tác tổ chức thi đấu.

Kiến thức và kỹ năng bơi liên quan trực tiếp đến nội dung bơi trong chương trình môn học thể dục ở trường phổ thông.

Học phần bơi lội 3 có quan hệ trực tiếp với các học phần bơi lội 1 và phương pháp giảng dạy và học phần bơi lội 2.

8.37. Bóng đá 2 (02 tín chỉ)

Bóng đá 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng xây dựng chương trình môn học, Kiểm tra đánh giá trong Bóng đá theo hướng tiếp cận năng lực người học, Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Bóng đá

Học phần Bóng đá 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 3 chương:

Chương 1: Xây dựng chương trình môn học Bóng đá

Chương 2: Kiểm tra đánh giá trong Bóng đá theo hướng tiếp cận năng lực người học

Chương 3: Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Bóng đá

- Thực hành: 3 phần

1. Kỹ - chiến thuật Bóng đá

2. Thực hành phương pháp giảng dạy

2. Thực hành tổ chức các hoạt động thể thao

Học phần Bóng đá 2 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Lí luận và phương pháp GDTC, học phần bóng đá 1 và học phần bóng đá 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng đá 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.38. Bóng đá 3 (03 tín chỉ)

Bóng đá 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên cách huấn luyện các tố chất thể lực, Phương pháp huấn luyện chiến thuật trong, kế hoạch và giáo án huấn luyện, tuyển chọn và huấn luyện VĐV trẻ trong Bóng đá, Huấn luyện tâm lý trong thi đấu Bóng đá

Học phần Bóng đá 3 và phương pháp giảng dạy gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm chương:

Chương 1: Huấn luyện các tố chất thể lực

Chương 2: Phương pháp huấn luyện chiến thuật trong Bóng đá

Chương 3: Kế hoạch và giáo án huấn luyện

Chương 4: Tuyển chọn và huấn luyện VĐV trẻ trong Bóng đá

Chương 5: Huấn luyện tâm lý trong thi đấu Bóng đá

- Thực hành: 3 phần

1. Kỹ - chiến thuật Bóng đá

2. Thực hành phương pháp giảng dạy

2. Thực hành tổ chức các hoạt động thể thao

Học phần Bóng đá 3 và phương pháp giảng dạy có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TD, Lí luận và phương pháp GDTC, học phần bóng đá 1 và học phần bóng đá 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng đá 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.39. Bóng chuyền 2 (02 tín chỉ)

Môn học sẽ cung cấp cho người học kiến thức lý luận về kỹ thuật và phát triển nâng cao các kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.

Chương trình môn học phát triển trên cơ sở nội dung của bóng chuyền 1. Nội dung môn học sẽ đi sâu và nâng cao về kiến thức và kỹ năng của môn bóng chuyền. Giúp người học vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào trong giảng dạy và thi đấu một cách thuần thục

Học phần Bóng chuyền 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 3 chương:

Chương 1 : Kỹ thuật nâng cao bóng chuyền

Chương 2: Chiến thuật bóng chuyền

Chương 3: Huấn luyện chiến thuật bóng chuyền

- Thực hành:

1. Kỹ thuật chuyền bóng ra sau đầu

2. Kỹ thuật chuyền bóng nghiêng mình

3. Kỹ thuật đập bóng xoay thân và xoay tay

4. Kỹ thuật đập bóng trung bình

5. Chiến thuật phòng thủ đỡ phát, đập bóng

6. Chiến thuật phòng thủ chắn bóng

7. Chiến thuật phát bóng

8. Đội hình thi đấu

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng chuyền 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.40. Bóng chuyền 3 (03 tín chỉ)

Bóng chuyền 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về huấn luyện thể lực trong môn bóng chuyền, huấn luyện tâm lý, kế hoạch giảng dạy và huấn luyện bóng chuyền, tuyển chọn và huấn luyện vận động viên bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền 3 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm chương:

Chương 1: Huấn luyện thể lực trong môn bóng chuyền

Chương 2: Huấn luyện tâm lý

Chương 3: Kế hoạch giảng dạy và huấn luyện bóng chuyền

Chương 4: Tuyển chọn và huấn luyện vận động viên bóng chuyền

Chương 5: Luật và phương pháp tổ chức – trọng tài bóng chuyền hơi

- Thực hành:

1. Kỹ thuật nhảy chuyền

2. Kỹ thuật đập bóng nhanh

3. Kỹ thuật đập bóng lao trước mặt

4. Kỹ thuật nhảy phát bóng

5. Chiến thuật chuyền bóng

6. Chiến thuật đập bóng tấn công

7. Chiến thuật đập bóng tấn công với người chuyền hai từ hàng sau dan lên

8. Đội hình thi đấu chiến thuật

Học phần Bóng chuyền 3 và phương pháp giảng có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần y học, sinh lý TD, Lí luận và phương pháp GDTC, Thể thao trường học, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC.

8.41. Bóng bàn 2 (02 tín chỉ)

Bóng bàn 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng xây dựng chương trình môn học ,Kiểm tra đánh giá trong Bóng bàn theo hướng tiếp cận năng lực người học, Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Bóng bàn

Học phần Bóng bàn 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 3 chương:

Chương 1: Xây dựng chương trình môn học Bóng bàn

Chương 2: Kiểm tra đánh giá trong Bóng bàn theo hướng tiếp cận năng lực người học

Chương 3: Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Bóng bàn

- Thực hành: 3 phần

1. Kỹ - chiến thuật Bóng bàn

2. Thực hành phương pháp giảng dạy

3. Thực hành tổ chức các hoạt động thể thao

Học phần Bóng bàn 2 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Lí luận và phương pháp GDTC, học phần bóng bàn 1 và học phần bóng bàn 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng bàn 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.42. Bóng bàn 3 (03 tín chỉ)

Bóng bàn 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên cách huấn luyện các tố chất thể lực, Phương pháp huấn luyện chiến thuật trong, kế hoạch và giáo án huấn luyện, tuyển chọn và huấn luyện VĐV trẻ trong Bóng bàn, Huấn luyện tâm lý trong thi đấu Bóng bàn

Học phần Bóng bàn 3 gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 5 chương:

Chương 1: Huấn luyện các tố chất thể lực

Chương 2: Phương pháp huấn luyện chiến thuật trong Bóng bàn

Chương 3: Kế hoạch và giáo án huấn luyện

Chương 4: Tuyển chọn và huấn luyện VĐV trẻ trong Bóng bàn

Chương 5: Huấn luyện tâm lý trong thi đấu Bóng bàn

- Thực hành: 3 phần

1. Kỹ thuật nâng cao Bóng bàn

2. Thực hành phương pháp huấn luyện kỹ - chiến thuật Bóng bàn

3. Thực hành huấn luyện chiến thuật trong tập luyện - thi đấu Bóng bàn cho VĐV trẻ

Học phần Bóng bàn 3 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lí luận và phương pháp GDTC, học phần bóng bàn 1 và học phần bóng bàn 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Bóng bàn 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.43. Bóng rổ 2 (02 tín chỉ)

Bóng rổ 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về nguyên lý cơ bản của phương pháp huấn luyện, kỹ thuật Bóng rổ nâng cao, những đặc điểm của tố chất phương pháp huấn luyện trong các trường thể thao, chiến thuật Bóng rổ nâng cao, đấu tập, phương pháp trọng tài.

Học phần Bóng rổ 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 4 chương:

Chương 1: Nguyên lý cơ bản của phương pháp huấn luyện

Chương 2: Kỹ thuật Bóng rổ nâng cao

Chương 3: Những đặc điểm của tổ chức phương pháp huấn luyện trong các trường thể thao.

Chương 4: Chiến thuật Bóng rổ nâng cao.

- Thực hành:

Chương 1: Kỹ thuật nâng cao.

Chương 2: Chiến thuật nâng cao.

Chương 3: Đầu tập, phương pháp trọng tài.

Học phần Bóng rổ 2 có quan hệ chặt chẽ với học phần bóng rổ 1 và phương pháp giảng dạy, học phần bóng rổ 3.

Học phần Bóng rổ 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.44. Bóng rổ 3 (03 tín chỉ)

Bóng rổ 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về quản lý hệ thống huấn luyện, lập kế hoạch huấn luyện, tuyển chọn VĐV trẻ, tổ chức và phương pháp nghiên cứu khoa học, huấn luyện kỹ, chiến thuật và phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng rổ.

Học phần Bóng rổ 3 gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 4 chương:

Chương 1: Quản lý hệ thống huấn luyện

Chương 2: Lập kế hoạch huấn luyện

Chương 3: Tuyển chọn VĐV trẻ

Chương 4: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu khoa học

- Thực hành:

1. Huấn luyện kỹ thuật.

2. Huấn luyện chiến thuật.

3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng rổ.

Học phần Bóng rổ 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

Kiến thức và kỹ năng của môn học là sự bổ sung và phát triển từ chương trình bóng rổ 1 và bóng rổ 2.

8.45. Cầu lông 2 (02 tín chỉ)

Cầu lông 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về xây dựng chương trình môn học Cầu lông; kiểm tra đánh giá Cầu lông theo hướng tiếp cận người học và phương pháp huấn luyện kỹ thuật Cầu lông.

Học phần Cầu lông 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm:

Chương 1. Xây dựng chương trình môn học Cầu lông.

Chương 2. Kiểm tra đánh giá Cầu lông theo hướng tiếp cận năng lực người học

Chương 3. Phương pháp huấn luyện Cầu lông

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cầu lông

2. Chiến thuật Cầu lông

3. Thực hành phương pháp huấn luyện Cầu lông

4. Thực hành – tổ chức các hoạt động thể thao

Học phần Cầu lông 2 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Cầu lông 1 và học phần Cầu lông 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Cầu lông 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.46. Cầu lông 3 (03 tín chỉ)

Cầu lông 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về huấn luyện môn Cầu lông; Tuyển chọn và huấn luyện vận động viên trẻ; Huấn luyện tâm lý trong thi đấu Cầu lông.

Học phần Cầu lông 3 gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm:

Chương 1. Kế hoạch huấn luyện ở giai đoạn phát triển toàn diện

Chương 2. Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Cầu lông

Chương 3. Phương pháp huấn luyện chiến thuật Cầu lông

Chương 4: Xây dựng kế hoạch giảng dạy và huấn luyện Cầu lông

Chương 5: Tuyển chọn và huấn luyện vận động viên Cầu lông trẻ

Chương 6: Huấn luyện tâm lý trong thi đấu cầu lông

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cầu lông

2. Chiến thuật Cầu lông

3. Thực hành phương pháp huấn luyện Cầu lông

4. Thực hành – tổ chức các hoạt động thể thao

Học phần Cầu lông 3 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDT, học phần Cầu lông 1 và Cầu lông 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Cầu lông 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.47. Đá cầu 2 (02 tín chỉ)

Đá cầu 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Đá cầu 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Xây dựng chương trình môn học Đá cầu

Chương 2. Kiểm tra đánh giá trong Đá cầu theo hướng tiếp cận năng lực người học

Chương 3. Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Đá cầu

Chương 4. Phương pháp huấn luyện chiến thuật Đá cầu

Chương 5. Phương pháp thi đấu

Chương 6. Phương pháp trọng tài

- Thực hành:

1. Phương pháp huấn luyện kỹ thuật Đá cầu

2. Phương pháp huấn luyện chiến thuật Đá cầu

3. Phương pháp thi đấu

4. Phương pháp trọng tài

Học phần Đá cầu 2 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Đá cầu 1 và học phần Đá cầu 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Đá cầu 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.48. Đá cầu 3 (03 tín chỉ)

Đá cầu 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng phân tích và thực hành về lịch sử môn học, kỹ - chiến thuật môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và xây dựng kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực

Học phần Đá cầu 3 gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 5 chương:

Chương 1. Huấn luyện các tố chất thể lực

Chương 2. Phương pháp huấn luyện kỹ thuật nâng cao trong Đá cầu

Chương 3. Phương pháp huấn luyện chiến thuật nâng cao trong Đá cầu

Chương 4. Kế hoạch và giáo án huấn luyện

Chương 5. Tuyển chọn và huấn luyện VDV trẻ trong Đá cầu

Chương 6. Huấn luyện tâm lý trong thi đấu Đá cầu

- Thực hành:

1. Huấn luyện kỹ thuật Đá cầu nâng cao

2. Huấn luyện chiến thuật Đá cầu nâng cao

3. Thực hành phương pháp huấn luyện

4. Thực hành – tổ chức các hoạt động thể thao

Học phần Đá cầu 3 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDIT, Lí luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Đá cầu 1 và học phần Đá cầu 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Đá cầu 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.49. Cờ vua 2 (02 tín chỉ)

Môn học Cờ vua 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về lý luận, nguyên tắc về phương pháp giảng dạy môn Cờ vua; Phân tích, bình luận các ván đấu điển hình, thực hành nâng cao giải các bài tập cờ thế, tập luyện và thi đấu Cờ vua.

Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết và phần thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cho người học, cụ thể:

Lý thuyết: Các nguyên tắc về phương pháp trong giảng dạy Cờ vua.

Thực hành: Phương pháp tính toán trong Cờ vua; sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy, tập luyện và thi đấu Cờ vua; giải các bài tập chiếu hết cờ trong 2, 3 nước đi; Đầu tập.

8.50. Cờ vua 3 (03 tín chỉ)

Môn học Cờ vua (nâng cao 2) cung cấp cho người học những kiến thức về tấn công và phòng thủ trong Cờ vua, các dạng thức tấn công, các dạng thức phòng thủ; Huấn luyện và tuyển chọn VDV Cờ vua; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua. Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và phần thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cho người học cụ thể:

Lý thuyết: Những kiến thức về tấn công và phòng thủ trong Cờ vua; Huấn luyện và tuyển chọn VDV Cờ vua; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài Cờ vua.

Thực hành: Sử dụng thành thạo và khai thác tối ưu các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy, tập luyện và thi đấu Cờ vua; giải các bài tập chiếu hết cờ trong 2, 3 nước đi; Đầu tập.

8.51. Võ 2 (02 tín chỉ)

Võ 2 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Giảng dạy môn võ nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về võ thuật, phương pháp tập luyện, tự tập luyện khoa học, hợp lý đảm bảo tính sự phạm TDIT. Đồng thời trang bị cho

người học vốn kiến thức về sinh sức khỏe cùng các kiến thức chuyên môn phù hợp với đối tượng giảng dạy cụ thể. Cung cấp các kiến thức giải quyết các yêu cầu sư phạm phù hợp chương trình đào tạo và phát huy tối đa năng lực của người học. Có kiến thức thực hành môn học cơ bản, nâng cao, thực hành và tổ chức thi đấu trọng tài chuyên môn.

Học phần Võ 2 gồm 2 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Phát triển các tố chất thể lực thông qua môn võ Taekwondo.

Chương 2. Quyền và biểu diễn quyền Taekwondo.

Chương 3. Kỹ thuật Taekwondo.

Chương 4. Phương pháp giảng dạy môn Taekwondo

Chương 5: Phương pháp tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và luật.

Chương 6: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn võ Taekwondo theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cơ bản, nâng cao

2. Chiến thuật phối hợp

3. Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Taekwondo

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Taekwondo

5. Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần Võ 2 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo:

Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Võ 1 và học phần Võ 3.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Võ 2 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.52. Võ 3 (03 tín chỉ)

Võ 3 là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo ngành GDTC. Thông qua môn võ Taekwondo giúp cho người học có những kiến thức nâng cao về võ thuật, phương pháp tập luyện, tự tập luyện khoa học, hợp lý đảm bảo tính sư phạm TDTT. Đồng thời trang bị cho người học vốn kiến thức về sinh sức khỏe cùng các kiến thức chuyên môn phù hợp với đối tượng giảng dạy cụ thể. Cung cấp các kiến thức giải quyết các yêu cầu sư phạm phù hợp chương trình đào tạo và phát huy tối đa năng lực của người học. Có kiến thức thực hành môn học cơ bản, nâng cao, thực hành và tổ chức thi đấu trọng tài chuyên môn.

Học phần Võ 3 gồm 3 tín chỉ và được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 6 chương:

Chương 1. Cấu trúc của chương trình giảng dạy và huấn luyện. Hệ thống phân cấp môn học

Chương 2. Quyền và biểu diễn quyền nâng cao Taekwondo.

Chương 3. Kỹ thuật Taekwondo.

Chương 4. Phương pháp giảng dạy môn Taekwondo

Chương 5: Phương pháp tổ chức tập luyện, tổ chức thi đấu, trọng tài và luật.

Chương 6: Xây dựng kế hoạch dạy học và Kiểm tra đánh giá môn võ Taekwondo theo hướng phát triển năng lực.

- Thực hành:

1. Kỹ thuật cơ bản, nâng cao

2. Chiến thuật phối hợp

3. Phương pháp giảng dạy kỹ và chiến thuật Taekwondo

4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Taekwondo

5. Phương pháp tổ chức kiểm tra đánh giá môn học

Học phần Võ 3 có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo: Học phần sinh lý TDTT, Lý luận và phương pháp GDTC, Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC, học phần Võ 1 và học phần Võ 2.

Kiến thức và kỹ năng trong học phần Võ 3 có liên quan trực tiếp đến nội dung môn học thể thao tự chọn trong chương trình môn học GDTC ở trường phổ thông.

8.53. *Tâm lý học đại cương (02 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên những đặc tính cơ bản, những đặc điểm và những quy luật chung của tâm lí và ý thức của con người như là đặc tính của bộ não và của sự phản ánh chủ quan về thế giới khách quan. Học phần có quan hệ với các học phần khác trong CTĐT như: Triết học Mác-Lênin, Tâm lý lứa tuổi và tâm lý học sư phạm.

8.54. *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm (02 tín chỉ)*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và học sinh THPT, những quy luật tâm lý của các quá trình giảng dạy và giáo dục đối với học sinh; đồng thời hình thành tình cảm của sinh viên với nghề sư phạm thông qua hiểu biết về vai trò, vị trí và các yêu cầu phẩm chất, năng lực của người thầy giáo. Học phần có quan hệ với các học phần khác như: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Phương pháp giảng dạy môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

8.55. *Những vấn đề chung của giáo dục học (02 tín chỉ)*

Học phần bao gồm: những vấn đề chung về giáo dục và giáo dục học - một khoa học về giáo dục con người; mục đích, tính chất, nguyên lý giáo dục và những nhiệm vụ, nội dung giáo dục; công tác quản lý nhà trường; người giáo viên và lao động sư phạm của người giáo viên trong nhà trường.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông.

8.56. *Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông (02 tín chỉ)*

Học phần tập trung vào những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học, lý luận giáo dục và nội dung, phương pháp công tác giáo viên chủ nhiệm lớp trong nhà trường phổ thông.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như: Tâm lý học; Những vấn đề chung về giáo dục học; Phương pháp giảng dạy bộ môn; Thực hành sư phạm.

8.57. *Phương pháp NCKH chuyên ngành GDTC (02 tín chỉ)*

Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc trong CTĐT trang bị cho người học kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học.

Nội dung học phần bao gồm 11 chương:

Chương 1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại khoa học và nghiên cứu khoa học

Chương 2. Quá trình nghiên cứu để tài khoa học

Chương 3. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Chương 4. Phương pháp phỏng vấn

Chương 5. Phương pháp quan sát sư phạm

Chương 6. Phương pháp dùng bài thử

Chương 7. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Chương 8. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý trong trường TDTT

Chương 9. Phương pháp kiểm tra y học trong TDTT

Chương 10. Phương pháp toán học thống kê

Chương 11. Đặc điểm công tác NCKH GDTC trường học

Nội dung học phần có mối quan hệ trực tiếp các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, và có quan hệ gián tiếp đối với các cơ sở ngành.

8.58. Thực hành sư phạm 1 (02 tín chỉ)

Học phần gồm 02 tín chỉ:

- Tin chi 1 trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: trường trung học; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của học sinh trên lớp học để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường trung học.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

- Tin chi 2 trang bị cho người học những kiến thức về năng lực sư phạm và nhận thức về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, lý luận dạy học tích cực, nghiệp vụ sư phạm trong công tác giảng dạy môn học GDTC, giới thiệu chương trình môn học GDTC ở nhà trường phổ thông.

Nội dung tín chỉ 1 được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 4 chương:

Chương 1: Năng lực sư phạm và nhận thức về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành GDTC

Chương 2: Lý luận về dạy học và dạy học tích cực

Chương 3: Nghiệp vụ sư phạm trong công tác giảng dạy môn học GDTC

Chương 4: Giới thiệu chương trình môn học GDTC ở trường THPT

- Thực hành:

Thực hành giảng dạy động tác và giảng dạy một tiết học GDTC

Học phần thực hành sư phạm có quan hệ trực tiếp với các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành.

8.59. Thực hành sư phạm 2 (02 tín chỉ)

Học phần gồm 02 tín chỉ:

- Tin chi 1 tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong nhà trường trung học.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

- Tin chi 2 trang bị cho người học những kiến thức về năng lực sư phạm và nhận thức về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, lý luận dạy học tích cực, nghiệp vụ sư phạm trong công tác giảng dạy môn học GDTC, giới thiệu chương trình môn học GDTC ở nhà trường phổ thông.

Nội dung tín chỉ 1 được chia làm 2 phần:

- Lý thuyết gồm 2 chương:

Chương 5. Nghiệp vụ trong công tác tổ chức hoạt động thi đấu thể thao phong trào (thể thao trường học)

Chương 6: Kiểm tra đánh giá trong GDTC

- Thực hành:

Thực hành công tác tổ chức thi đấu, trọng tài các môn thể thao trường học.

Thực hành công tác kiểm tra đánh giá môn học GDTC.

Học phần thực hành sư phạm có quan hệ trực tiếp với các học phần trong khối kiến thức chuyên ngành.

8.60. Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong giáo dục thể chất (02 tín chỉ)

Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong GDTC là một môn học mới, nhằm cung cấp cho người học cách thức xây dựng chương trình và các khâu trong kiểm tra đánh giá môn học. Toàn bộ môn học gồm 9 chương cụ thể như sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung về chương trình trong đào tạo

Chương 2: Động lực và các quan điểm cơ bản trong định hướng xây dựng và phát triển chương trình

Chương 3: Các nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và phát triển chương trình

Chương 4: Phương pháp luận trong xây dựng và phát triển chương trình

Chương 5: Qui trình xây dựng và phát triển chương trình trong GDTC

Chương 6: Quá trình phát triển chương trình

Chương 7: Giới thiệu chương trình môn học thể dục bậc phổ thông

Chương 8: Kiểm tra và đánh giá thực hiện chương trình dạy học

Chương 9: Các phương pháp kiểm tra đánh giá trong GDTC

Nội dung môn học có mối quan hệ trực tiếp các môn chuyên ngành trong chương trình GDTC ở phổ thông, và có quan hệ gián tiếp đối với các cơ sở ngành.

Mạch kiến thức, kỹ năng của môn học được kế thừa, bổ sung và phát triển dựa trên các chương trình đào tạo trước.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình.

8.61. Hoạt động trải nghiệm ngành giáo dục thể chất (02 tín chỉ)

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học môn GDTC sẽ trang bị cho người học hệ thống những tri thức và kỹ năng về xây dựng, tổ chức và phát triển các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Thông qua các hoạt động trải nghiệm, người học sẽ tự tin, mạnh dạn và có nhiều kỹ năng giải quyết các nhiệm vụ học tập, góp phần hình thành phẩm chất và năng lực cần thiết để phát triển bản thân và thích nghi với cuộc sống.

Học phần Hoạt động trải nghiệm ngành GDTC gồm:

Lý thuyết

Chương 1. Tìm hiểu một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường phổ thông

Chương 2. Nội dung chương trình, hình thức tổ chức và cách đánh giá trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Chương 3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Chương 4. Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo chủ đề

Thực hành

1. Thực hành trải nghiệm sáng tạo theo hình thức (thể hiện dưới dạng chủ đề)

2. Thực hành đánh giá các hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Học phần Hoạt động trải nghiệm ngành GDTC có quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo. Nội dung gồm các chủ đề phong phú, giúp người học vận dụng kiến thức liên môn để học tập hiệu quả; quá trình học qua trải nghiệm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.

8.62. Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất (03 tín chỉ)

Lý luận và phương pháp GDTC là môn học cung cấp kiến thức cơ bản, nền tảng về lĩnh vực hoạt động TDTT trên cơ sở đó vận dụng vào giảng dạy GDTC và phát triển phong trào tập luyện thể thao ngoại khóa trong hệ thống nhà trường các cấp.

Nội dung chương trình được cấu trúc gồm 7 chương cụ thể:

Chương 1. Những vấn đề chung về lý luận và phương pháp GDTC

Chương 2. Các phương tiện của GDTC

Chương 3. Các phương pháp GDTC

Chương 4. Các nguyên tắc về phương pháp GDTC

Chương 5. Dạy học động tác trong GDTC

Chương 6. Giáo dục các tố chất vận động

Chương 7. Hình thức tập luyện trong GDTC

Nội dung học phần có mối quan hệ trực tiếp các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất, và có quan hệ gián tiếp đối với các cơ sở ngành.

8.63. Phương pháp giáo dục thể chất – Thể thao trường học (03 tín chỉ)

Phương pháp Giáo dục thể chất – thể thao trường học là một lĩnh vực nghiên cứu sâu về lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất – Thể thao ở từng cấp học, được biên soạn theo chương trình đào tạo cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, toàn bộ nội dung chương trình được tập trung trong 10 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về GDTC và Thể thao trường học

Chương 2: Đặc điểm của dạy học động tác trong GDTC trường học

Chương 3: Đặc điểm giáo dục các tố chất thể lực cho học sinh trong GDTC trường học

Chương 4: Đặc điểm của kiểm tra đánh giá trong GDTC trường học

Chương 5: Phương pháp biên soạn tài liệu giảng dạy

Chương 6: Thể thao trường học

Chương 7: Tuyển chọn tài năng thể thao

Chương 8: Huấn luyện thể thao cho học sinh, sinh viên

Chương 9: Lập kế hoạch tham gia vào tổ chức quá trình huấn luyện thể thao

Chương 10: Những vấn đề chuyên môn của sự chuẩn bị thi đấu thể thao

Chương môn học có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng các môn chuyên ngành trong chương trình GDTC ở mỗi cấp học, môn học có liên quan gián tiếp đến các môn cơ sở ngành.

Mạch kiến thức, kỹ năng của môn học được kế thừa, bổ sung và phát triển dựa trên các chương trình đào tạo trước.

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học cơ sở ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

8.64. Thực tập sư phạm I (03 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: Trường THPT; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Qua đó, tổ chức cho sinh viên thực hành trong môi trường giả định các kỹ năng công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; quản lý hành vi của học sinh trên lớp học để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tiễn giáo dục trong nhà trường THPT.

Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

8.65. Thực tập sư phạm 2 (04 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong trường THPT; nghiên cứu đề tài khoa học sư phạm ứng dụng. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm.

8.66. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

8.67. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học GDTC (02 tín chỉ)

Môn học được chia làm hai phần: Phần 1 tập trung vào việc trang bị những kiến thức về phần mềm 2D Pivot Stickfigure Animator, các phần mềm cắt xén audio và video, phần mềm xử lý văn bản MS Word, bảng tính điện tử MS Excel và phần mềm trình chiếu

MS PowerPoint; Phần 2 cung cấp những bài tập thực hành bám sát vào nội dung kiến thức đã học ở phần 1.

Môn học giúp cho sinh viên có thể tạo ra những bài giảng có kết hợp làm mẫu, thí phạm bằng những đoạn phim về những cuộc thi đấu thể thao đỉnh cao của những vận động viên thế giới, những động tác kĩ thuật được quay chậm hay những động tác do chính các em thực hiện được ghi hình được chiếu lên để HS tự nhìn nhận rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng dạy và học.

Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến kỹ năng giảng dạy môn Thể dục ở trường phổ thông.

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn học trong chương trình đào tạo đại học như là: Tin học, các môn chuyên ngành thể dục thể thao.

8.68. Thể dục chữa bệnh (02 tín chỉ)

Thể dục chữa bệnh là môn học ứng dụng, thuộc nội dung tự chọn gồm 4 chương cụ thể sau:

Chương 1. Đại cương về Thể dục chữa bệnh

Chương 2. Thể dục chữa bệnh hệ tim mạch-hệ hô hấp.

Chương 3. Thể dục điều trị chấn thương các cơ quan vận động.

Chương 4. Kỹ năng cứu đuối

Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến các môn thể thao và những nội dung kiến thức, kĩ năng của các môn lý luận chuyên ngành trong chương trình giáo dục phổ thông môn thể dục.

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Các môn thể thao, Y học TDTT, Giải phẫu TDTT... trong chương trình.

Mạch kiến thức của môn học đi sâu, làm rõ hơn về vai trò của thể dục trong công tác phòng và điều trị bệnh, bổ sung thêm phần kiến thức và kỹ năng của môn Y học TDTT.

8.69. Dinh dưỡng thể thao và sức khỏe (02 tín chỉ)

Dinh dưỡng TDTT và sức khỏe là một môn khoa học ứng dụng nằm trong hệ thống các môn Y sinh học TDTT, là môn học tự chọn thuộc chương trình đào tạo ngành GDTC, gồm 4 chương:

Chương 1. Dinh dưỡng thể thao và năng lượng của hoạt động cơ

Chương 2. Nhu cầu dinh dưỡng

Chương 3. Đặc điểm dinh dưỡng trong hoạt động TDTT và lứa tuổi nhi đồng, thiếu niên.

Chương 4. Đặc điểm dinh dưỡng VĐV và người lao động

Môn học có mối quan hệ trực tiếp đến các môn thể thao, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng của các môn lý luận chuyên ngành trong chương trình giáo dục phổ thông môn thể dục.

Có quan hệ chặt chẽ với những môn học: Các môn thể thao, Vệ sinh TDTT, Y học TDTT, Giải phẫu TDTT... trong chương trình.

Mạch kiến thức và kĩ năng của môn học được kế thừa, bổ sung và phát triển trên nền kiến thức của môn Y học TDTT và Vệ sinh TDTT.

8.70. Kỹ năng tư vấn cá nhân về khám phá, lựa chọn và phát triển nghề nghiệp cho học sinh THPT (02 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về sự khác biệt trong tâm lý của giới tính (chủ yếu là giới), bao gồm: Những vấn đề chung của tâm lý học giới tính; Những đặc điểm về giới giữa nam và nữ; Sự khác biệt về tâm lý giới tính trong đời sống tâm lí con người, ở một số lĩnh vực như: Sự khác biệt giới tính trong hôn nhân – gia đình;

sự khác biệt về tâm lý giới tính trong giáo dục – đào tạo; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong một số lĩnh vực ngành nghề và sự khác biệt về tâm lý giới tính trong khía cạnh văn hóa.

8.71. Tham vấn học đường (02 tín chỉ)

Học phần tập trung cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về hoạt động tham vấn học đường bao gồm: Những vấn đề chung của tham vấn học đường; Yêu cầu về phẩm chất, năng lực và nguyên tắc đạo đức của nhà tham vấn học đường; Những nhóm kỹ năng cần thiết của một người làm tham vấn học đường.

8.72. Giao tiếp sư phạm (02 tín chỉ)

Môn học tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường trung học; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm;

Môn học có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm; gián tiếp qua các môn học khác;

Môn học có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm;

8.73. Tâm lý học giới tính (02 tín chỉ)

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về sự khác biệt trong tâm lý của giới tính (chủ yếu là dị giới), bao gồm: Những vấn đề chung của tâm lý học giới tính; Những đặc điểm về giới giữa nam và nữ; Sự khác biệt về tâm lý giới tính trong đời sống tâm lí con người, ở một số lĩnh vực như: Sự khác biệt giới tính trong hôn nhân – gia đình; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong giáo dục – đào tạo; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong một số lĩnh vực ngành nghề và sự khác biệt về tâm lý giới tính trong khía cạnh văn hóa.

8.74. Những vấn đề giáo dục cần cập nhật (02 tín chỉ)

Học phần tập trung vào các vấn đề về đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông nói riêng.

Học phần có quan hệ chặt chẽ với với các học phần khác trong CTĐT như : Giáo dục học, Phương pháp giảng dạy bộ môn

8.75. Phương pháp học tập, nghiên cứu của sinh viên (02 tín chỉ)

Học phần tập trung vào: Quan niệm về phong cách và phương pháp học tập – nghiên cứu của sinh viên; Những nội dung cơ bản về phong cách và phương pháp học tập – nghiên cứu của sinh viên.

Học phần có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học trong chương trình đào tạo: Tâm lý học, Giáo dục học

8.76. Y sinh học TDTT (03 tín chỉ)

Y sinh học TDTT là môn học cơ bản trong lĩnh vực y sinh học TDTT, gồm 3 phần được chia làm 7 chương như sau:

Phần A. Vệ sinh TDTT

Chương 1. Vệ sinh dinh dưỡng.

Chương 2. Vệ sinh môi trường.

Phần B. Sinh lý TDTT

Chương 3. Phân loại và đặc tính sinh lý của bài tập thể thao

Chương 4. Cơ sở sinh lý của các tố chất vận động và trình độ tập luyện

Chương 5. Đặc điểm các trạng thái sinh lý của cơ thể xuất hiện trong hoạt động thể dục thể thao

Phản C. Y học TDTT

Chương 6. Kiểm tra chức năng Hệ tuần hoàn – Hệ hô hấp – Thần kinh-cơ và Kiểm tra y học sự phạm.

Chương 7. Phòng chống và xử lý chấn thương trong hoạt động TDTT.

Dưới đây là học phần tổng hợp những kiến thức cơ bản nhất, rất cần cho người học TDTT nói chung, GDTC nói riêng.

8.77. Lý luận và phương pháp thể dục, thể thao trường học (04 tín chỉ)

Trên cơ sở những kiến thức đã cung cấp trong học phần Lý luận và phương pháp GDTC. Môn học Lý luận và phương pháp thể dục, thể thao trường học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, kỹ năng về tổ chức hoạt động thể dục thể thao cho mọi đối tượng trong hệ thống nhà trường các cấp.

Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm 4 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về lý luận và phương pháp TD, TT trường học

Chương 2: Giáo dục thể chất trong trường phổ thông

Chương 3: Thể thao trong trường phổ thông

Chương 4: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Giáo dục thể chất ở các nhà trường phổ thông

9. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó :

9.1. Tổ chức lớp học

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

9.1.1. Lớp ngành học:

a) Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo.

b) Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

9.1.2. Lớp học phần và nhóm học tập:

a) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khóa biểu, cùng giảng đường và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

b) Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

c) Khoa quản lý học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kỳ và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kỳ chính và tuần thứ 3 của học kỳ phụ.

9.2. Đăng ký khối lượng học tập

9.2.1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khóa biểu các lớp học, để cung chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đổi với các học phần.

9.2.2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà

trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

- Đăng ký sớm: thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 2 tháng;
- Đăng ký bình thường: thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ;
- Đăng ký muộn: thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

Riêng đối với 2 học kỳ đầu, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

9.2.3. Quy định khối lượng học tập: Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

- 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

- Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

9.2.4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

9.2.5. Cách thức đăng ký học tập: Sinh viên thực hiện đăng ký bằng phiếu đăng ký học tập, sổ đăng ký học tập (đã được cổ văn học tập kí duyệt) đồng thời đăng ký trực tuyến qua mạng (có cùng nội dung với phiếu đăng ký), nộp phiếu đăng ký về Phòng Đào tạo. Phiếu đăng ký có chữ ký của cổ văn học tập là bản đăng ký học tập chính thức của sinh viên. Phòng Đào tạo lưu giữ phiếu này trong mỗi học kỳ.

9.3. Rút bớt học phần đã đăng ký

9.3.1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự bỏ học và phải nhận điểm F.

9.3.2. Điều kiện để sinh viên rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Không vi phạm quy định về khối lượng học tập;
- Được cổ văn học tập chấp thuận;

Sinh viên phải tự viết đơn theo mẫu quy định của trường, nộp đơn đã có kí duyệt của cổ văn học tập về Phòng Đào tạo và chỉ được phép nghỉ học đổi với học phần xin rút bớt sau khi có thông báo chấp thuận của Phòng Đào tạo gửi đến giảng viên giảng dạy học phần và sinh viên. Khi chưa được sự đồng ý của Phòng Đào tạo mà sinh viên tự ý nghỉ học thì sinh viên phải nhận điểm F cho học phần đó.

9.4. Đăng ký học lại

9.4.1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F⁺ hoặc F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt điểm A, B⁺, B, C⁺, C, D⁺, D.

9.4.2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F⁺ hoặc F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

9.4.3. Ngoài các trường hợp trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm D⁺, D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm của học phần đăng ký học lại được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

9.5. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

9.5.1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo cho sinh viên như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Dưới 33 TC;
- Sinh viên năm thứ hai: Từ 33 TC đến dưới 66 TC;
- Sinh viên năm thứ ba: Từ 66 TC đến dưới 99 TC;
- Sinh viên năm thứ tư: Từ 99 TC trở lên.

9.5.2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, Nhà trường xếp hạng học lực cho sinh viên như sau:

- Hạng bình thường: Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.

- Hạng yếu: Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

9.5.3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước đó để xếp hạng sinh viên về học lực.



Nguyễn Quang Huy